

Bản án số: 27/2025/DS-ST
Ngày: 26/3/2025
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ VŨNG TÀU, TỈNH BÀ RỊA - VŨNG TÀU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đoàn Thế Dũng
- *Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Đặng Song Hoàn
Ông Nguyễn Văn Hải

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Vũ Thị Lan Hương – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu xét xử vụ án Dân sự thụ lý số 21/2025/DSST ngày 08 tháng 01 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 35/2025/QĐST-XX ngày 14 tháng 02 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2025/QĐHPT-DS ngày 10 tháng 3 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Công ty T2 (Việt Nam).

Địa chỉ trụ sở số I P, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Lee Yun H. Chức vụ: Tổng Giám đốc.

- *Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:* Công ty L1.

- *Người đại diện theo pháp luật:* Ông Cồ Lê Huy . Chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở số B (Tầng A+ 3), đường L, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

(Theo Hợp đồng uỷ quyền số 09/2024/GUQ-MAFC ngày 12/5/2024)

- *Người đại diện theo uỷ quyền:*

- + Ông Võ Bá L, sinh năm 2002 (Vắng mặt-Có đơn xin xét xử vắng mặt);
- + Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 2001 (Có mặt);
- + Ông Trần Hải N, sinh năm 2002 (Vắng mặt-Có đơn xin xét xử vắng mặt);

Cùng địa chỉ liên hệ số B, đường L, phường V, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Theo Văn bản uỷ quyền 02/GUQ-2025 ngày 19/3/2025).

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Hàm T1, sinh năm 2002 (Vắng mặt).

Nơi thường trú số 183/9/10, đường L, Phường A, TP ., Bà Rịa - Vũng Tàu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện, các lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn Công ty T2 và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn là ông Võ Bá L trình bày: Ngày 26/8/2023, Công ty T2 (sau đây gọi tắt là Công ty T2) và ông Nguyễn Hàm T1 ký Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 4867077 (sau đây gọi tắt là Hợp đồng tín dụng), theo đó, Công ty T2 cho ông T1 vay 38.772.000đồng (Ba mươi tám triệu, bảy trăm bảy mươi hai ngàn đồng), trong đó, 36.000.000đồng tiền vay và 2.772.000đồng tiền bảo hiểm khoản vay; Thoả thuận thời hạn vay là 30 tháng từ ngày 29/8/2023 đến ngày 01/3/2026; Lãi suất 58%/năm; Mục đích vay để tiêu dùng.

Ngày 28/8/2023, Công ty T2 giải ngân số tiền 36.000.000đồng cho ông T1 theo đúng thoả thuận. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T1 đã thanh toán được 05 kỳ với tổng số tiền là 14.336.435đồng (Mười bốn triệu, ba trăm ba mươi sáu ngàn, bốn trăm ba mươi lăm đồng). Từ ngày 06/02/2024, ông T1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán không đầy đủ mặc dù đã được Công ty T2 trực tiếp thông báo, nhắc nhở nhiều lần. Do vậy, Công ty T2 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết các vấn đề sau:

- Buộc ông T1 trả tổng số tiền 45.121.063đồng, trong đó, nợ gốc là 36.093.533đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 03/7/2024 gồm: Nợ lãi quá hạn là 8.256.558đồng; tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn là 626.519đồng; Nợ lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán là 144.453đồng;

- Buộc ông T1 thanh toán lãi, phí phát sinh từ theo Hợp đồng tín dụng trên từ ngày 04/7/2024 cho đến khi thanh toán tất cả các khoản nợ nói trên.

Ngoài ra, Công ty T2 không có yêu cầu nào khác.

2. Bị đơn, ông Nguyễn Hàm T1: Mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T1 vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình tố tụng.

3. Tại phiên tòa:

3.1. Ông T xác nhận: Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu buộc ông T1 trả tổng số tiền 45.121.063đồng, trong đó, nợ gốc là 36.093.533đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 03/7/2024 gồm: Nợ lãi quá hạn là 8.256.558đồng; tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn là 626.519đồng; Nợ lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán là 144.453đồng. Đồng thời, ông T1 còn phải thanh toán lãi, phí phát sinh từ theo Hợp đồng tín dụng trên từ ngày 04/7/2024 cho đến khi thanh toán tất cả các khoản nợ nói trên.

3.2. đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn của mình. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và Thư ký tòa án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành tốt các quy định pháp luật tố tụng, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng.

- *Về nội dung*: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Công ty T2 về việc buộc ông T1 phải có nghĩa vụ trả toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi và tiền lãi, phí phát sinh tính từ ngày 04/7/2024 đến khi thanh toán hết các khoản nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn, Công ty T2 (Việt Nam) và ông Nguyễn Hàm T1 ký Hợp đồng tín dụng số 4867077 ngày 26/8/2023, theo đó, Công ty T2 cho ông T1 vay 38.772.000đồng (Ba mươi tám triệu, bảy trăm bảy mươi hai ngàn đồng), với mục đích tiêu dùng nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp là “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo khoản 16 Điều 4 của Luật Các tổ chức tín dụng và Điều 463 của Bộ luật Dân sự.

Theo Giấy đề nghị vay vốn và hợp đồng tín dụng, ông T1 sinh sống, cư trú theo cấp địa chỉ cung cấp trong hợp đồng tại số A, đường L, Phường A, thành phố V nên xác định vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Vũng Tàu, theo Khoản 3 Điều 26, điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 và điểm b Khoản 1 Điều 40 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2]. Về sự vắng mặt của đương sự:

- Tại thời điểm ký kết Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng, bị đơn ông T1 cung cấp địa chỉ liên hệ tại nhà số A, đường L, Phường A, thành phố V, thành phố V, Bà Rịa - Vũng Tàu. Tuy nhiên, trong suốt quá trình tố tụng Tòa án triệu tập nhưng ông T1 đều vắng mặt, do vậy, Tòa án niêm yết tại UBND phường theo địa chỉ ông T1 cung cấp trong Giấy đề nghị vay tiền để xét xử vắng mặt ông T1 theo qui định của pháp luật.

Căn cứ vào Điều 227, 228 và Điều 238 của Bộ luật tố Tụng dân sự, Hội đồng xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Xét tư cách pháp nhân của nguyên đơn và tính pháp lý của Hợp đồng tín dụng số 4867077 ngày 26/8/2023:

- Về thẩm quyền và tư cách pháp nhân của nguyên đơn: Công ty T2 (Việt Nam) được Sở kế hoạch Đầu tư Thành phố H cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp theo mã số doanh nghiệp C. Căn cứ theo điểm a Khoản 2 Điều 8 và Điều 10 của Điều lệ, Công ty T2 được cấp tín dụng dưới hình thức “cho vay, bao gồm cả cho vay trả góp, cho vay tiêu dùng”... cấp tín dụng trên cơ sở có bảo đảm hoặc không có bảo đảm tài sản của khách hàng vay... nên Hội đồng xét xử xác định Công ty T2 có đủ tư cách để ký Hợp đồng tín dụng với khách hàng là cá nhân, tổ chức.

- Về Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 4867077 ngày 26/8/2023. Tại thời điểm ký các Văn bản nêu trên, hai bên đều đầy đủ năng lực pháp luật dân sự, năng lực hành vi dân sự; đều tự nguyện ký Giấy đề nghị vay vốn và ký hợp đồng tín dụng; Mục đích của Hợp đồng không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội và hình thức của hợp đồng phù hợp với các Điều 16, 19, 75, 86, 117 và Điều 119 của Bộ luật Dân sự nên Giấy đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng nêu trên là hợp pháp.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Ngày 26/8/2023, Công ty T2 và ông Nguyễn Hàm T1 ký Đề nghị vay vốn kiêm Hợp đồng tín dụng số 4867077, theo đó, Công ty T2 cho ông T1 vay số tiền 38.772.000đồng (Ba mươi tám triệu, bảy trăm bảy mươi hai ngàn đồng), trong đó, 36.000.000đồng tiền vay và 2.772.000đồng tiền bảo hiểm khoản vay; Thoả thuận thời hạn vay là 30 tháng từ ngày 01/10/2023 đến ngày 01/3/2026; Lãi suất 58%/năm; Mục đích vay để tiêu dùng. Ngày 28/8/2023, Công ty T2 giải ngân số tiền 36.000.000đồng tiền vay cho ông T1 theo đúng thoả thuận. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T1 đã thanh toán được 05 kỳ với số tiền là 14.336.435đồng (Mười bốn triệu, ba trăm ba mươi sáu ngàn, bốn trăm ba mươi lăm đồng). Từ ngày 06/02/2024, ông T1 thực hiện nghĩa vụ thanh toán không đầy đủ mặc dù đã được Công ty T2 trực tiếp thông báo, nhắc nhở nhiều lần nên Công ty T2 khởi kiện yêu cầu Toà án buộc ông T1 trả tổng số tiền 45.121.063đồng, trong đó, nợ gốc là 36.093.533đồng và nợ lãi tạm tính đến ngày 03/7/2024 gồm: Nợ lãi quá hạn là 8.256.558đồng; Nợ lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn là 626.519đồng; Nợ lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán là 144.453đồng. Ngoài ra, buộc ông T1 còn phải thanh toán lãi, phí phát sinh từ ngày 04/7/2024 cho đến khi hoàn tất các khoản nợ.

Hội đồng xét xử xét, tính từ ngày 06/02/2024 đến nay, ông T1 thực hiện nghĩa vụ trả nợ không đầy đủ nên Công ty T2 yêu cầu ông T1 thanh toán toàn bộ số tiền nợ gốc, nợ lãi tính đến ngày 03/7/2024 và lãi, phí phát sinh từ ngày 04/7/2024 cho đến

khi tất toán toàn bộ khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng số 4867077 ngày 26/8/2023 là có cơ sở theo Điều 8 của Hợp đồng tín dụng và phù hợp với các Điều 280, 463 và Điều 466 của Bộ Luật Dân sự nên Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Công ty T2.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn tiền tạm ứng án phí cho Công ty T2.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 40, 147, điểm b, khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228, điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố Tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 4, 91, 94, 95 của Luật các Tổ chức tín dụng; các Điều 280, 463 và Điều 466 của Bộ luật Dân sự và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty T2 (Việt Nam) đối với bị đơn ông Nguyễn Hàm T1 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng”.

Tuyên xử:

[1]. Buộc ông Nguyễn Hàm T1 phải trả cho Công ty T2 tổng số tiền là 45.121.063đồng (Bốn mươi lăm triệu, một trăm hai mươi một ngàn, không trăm sáu mươi ba đồng), trong đó, nợ gốc là 36.093.533đồng (Ba mươi sáu triệu, không trăm chín mươi ba ngàn, năm trăm ba mươi ba đồng) và nợ lãi tạm tính đến ngày 03/7/2024 gồm: Nợ lãi quá hạn là 8.256.558đồng (Tám triệu, hai trăm năm mươi sáu ngàn, năm trăm năm mươi tám đồng); Tiền lãi trên dư nợ gốc bị quá hạn là 626.519đồng (Sáu trăm hai mươi sáu ngàn, năm trăm mười chín đồng); Nợ lãi chậm trả tính trên lãi quá hạn chưa thanh toán là 144.453đồng (Một trăm bốn mươi bốn ngàn, bốn trăm năm mươi ba đồng).

Kể từ ngày 04/7/2024, ông Nguyễn Hàm T1 còn phải tiếp tục chịu khoản lãi, lãi quá hạn, phí phát sinh cho đến khi thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng tín dụng nêu trên.

[2]. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Ông Nguyễn Hàm T1 phải chịu là 2.256.053đồng (Hai triệu, hai trăm năm mươi sáu ngàn, không trăm năm mươi ba đồng).

- Công ty T2 (Việt Nam) được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 1.000.000đồng (Một triệu đồng) theo biên lai thu số 0004894 ngày 31/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu.

[3]. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa quyền kháng cáo 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc bản án được niêm yết công khai) yêu cầu tòa án nhân dân Tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

[4]. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật thi hành án dân sự thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân thành phố Vũng Tàu;
- Thi hành án dân sự thành phố Vũng Tàu;
- Lưu hồ sơ.

Đoàn Thế Dũng